

NGHIÊN CỨU VỀ HỌC TẬP TỰ ĐIỀU CHỈNH BẬC ĐẠI HỌC: PHÂN TÍCH TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU SCOPUS (2006 – 2026)

Nguyễn Thị Hồng

Trường Toán học và Công nghệ thông tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hồng, e-mail: nguyenthihong@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/3/2026. Ngày sửa bài: 29/4/2026. Ngày nhận đăng: 20/6/2026.

Tóm tắt. Học tập tự điều chỉnh (Self-Regulated Learning – SRL) là năng lực cốt lõi đối với thành công học tập và học tập suốt đời, đặc biệt trong giáo dục đại học, nơi người học phải chủ động quản lý quá trình học tập của chính mình. Nghiên cứu này nhằm xem xét các xu hướng nghiên cứu liên quan đến SRL ở bậc đại học thông qua phân tích trắc lượng thư mục có hệ thống trên cơ sở dữ liệu Scopus. Sau quy trình lọc hai bước, 665 bài báo (trích từ 1.695 tài liệu ban đầu) công bố trong giai đoạn 2006–2026 được đưa vào phân tích bằng phần mềm VOSviewer. Kết quả xác định bốn giai đoạn tăng trưởng công bố với mức tăng đột biến từ năm 2019, trong đó Hoa Kỳ dẫn đầu về tổng số công trình khoa học, tiếp theo là Trung Quốc, Đức, Đài Loan và Hàn Quốc. Các cụm chủ đề cốt lõi tập trung vào siêu nhận thức, động lực, tự hiệu quả và chiến lược học tập, đồng thời các công bố gần đây phản ánh sự chuyển dịch rõ rệt sang các bối cảnh SRL tích hợp công nghệ, bao gồm học tập trực tuyến, phân tích học tập và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Những phát hiện này cung cấp nền tảng thực chứng cho các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục và nhà hoạch định chính sách trong việc nhận diện các khoảng trống tri thức và xác định hướng nghiên cứu tiềm năng, đặc biệt trong môi trường học tập tích hợp trí tuệ nhân tạo.

Từ khóa: học tập tự điều chỉnh, giáo dục đại học, sinh viên đại học, trắc lượng thư mục, dữ liệu Scopus.

EXPLORING RESEARCH ON SELF-REGULATED LEARNING IN HIGHER EDUCATION: A BIBLIOMETRIC ANALYSIS OF THE SCOPUS DATABASE (2006 - 2026)

Nguyen Thi Hong

School of Mathematics and Computer Science, Hanoi National University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Thi Hong, e-mail: nguyenthihong@hnue.edu.vn

Received March 31, 2026. Revised April 29, 2026. Accepted June 20, 2026.

Abstract. Self-regulated learning (SRL) is a critical competence for academic success and lifelong learning, particularly in higher education, where learners must actively manage their own learning processes. This study aims to examine research trends related to SRL in higher education through a systematic bibliometric analysis of the Scopus database. A total of 665 peer-reviewed journal articles published between 2006 and 2026 were retained for analysis using VOSviewer software, selected from an initial pool of 1,695 records through a two-stage screening procedure. The findings identify four distinct phases of publication growth, with a marked surge from 2019 onward; the United States leads in research output (20.7%), followed by China, Germany, Taiwan, and South Korea. Core thematic clusters center on metacognition, motivation, self-efficacy, and learning strategies, while recent publications reflect a marked shift toward technology-enhanced SRL contexts, encompassing online learning, learning analytics, and artificial intelligence applications. These findings offer a robust empirical foundation for researchers, educators, and policymakers in identifying knowledge gaps and prioritizing future research directions, particularly within AI-integrated learning environments.

Keywords: self-regulated learning, higher education, university students, bibliometric analysis, Scopus database.

1. Mở đầu

Học tập tự điều chỉnh (Self-Regulated Learning – SRL) được xem là một trong những khung lý thuyết quan trọng trong nghiên cứu tâm lý học giáo dục và khoa học học tập. SRL mô tả quá trình trong đó người học chủ động thiết lập mục tiêu học tập, lựa chọn và điều phối các chiến lược học tập phù hợp, đồng thời giám sát và đánh giá kết quả của quá trình học tập để đạt được mục tiêu đề ra (Pintrich, 2000, tr. 546; Zimmerman, 2002, tr. 65 - 67). Trong cách tiếp cận này, người học được xem là tác nhân tích cực của quá trình học tập, có khả năng điều chỉnh các yếu tố nhận thức, động lực và hành vi nhằm tối ưu hóa hiệu quả học tập. Theo Zimmerman (1990), SRL bao gồm các thành tố cốt lõi như chiến lược học tập, phản hồi tự định hướng và động lực nội tại; trong khi Pintrich (1995) nhấn mạnh vai trò của việc kiểm soát có mục tiêu đối với nhận thức, hành vi và động lực của người học (Pintrich, 1995, tr. 5; Zimmerman, 1990).

Trong bối cảnh giáo dục đại học, SRL càng trở nên quan trọng khi sinh viên phải đối mặt với môi trường học tập có mức độ tự chủ cao hơn so với giáo dục phổ thông. Tại bậc đại học, người học cần tự quản lý thời gian, xây dựng chiến lược học tập phù hợp và duy trì động lực học tập trong môi trường học tập ít sự giám sát trực tiếp từ giảng viên. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng SRL có mối liên hệ chặt chẽ với thành tích học tập, mức độ tham gia học tập và khả năng học tập suốt đời của sinh viên (Richardson và cộng sự, 2012, tr.353; Tekkol & Demirel, 2018, tr. 11-12). Do đó, SRL được xem là một trong những năng lực cốt lõi của người học trong thế kỷ XXI, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục đại học đang chuyển dịch mạnh mẽ sang các mô hình học tập linh hoạt và lấy người học làm trung tâm. Trong hai thập niên gần đây, số lượng các nghiên cứu liên quan đến SRL trong giáo dục đại học đã gia tăng đáng kể. Các công trình nghiên cứu tập trung vào nhiều khía cạnh khác nhau của SRL, bao gồm mối quan hệ giữa SRL với động lực học tập, cảm xúc học tập, tự hiệu quả và thành tích học tập của sinh viên (Cho & Heron, 2015, tr. 93 - 94; Mega và cộng sự, 2014). Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ giáo dục và môi trường học tập trực tuyến đã mở rộng phạm vi nghiên cứu SRL sang các bối cảnh học tập mới như học trực tuyến, học tập hỗn hợp và học tập dựa trên dữ liệu học tập (Anthonysamy và cộng sự, 2020). Các nghiên cứu tổng quan trước đây cũng cho thấy SRL là một trong những chủ đề trung tâm trong nghiên cứu giáo dục hiện đại (Panadero, 2017, tr.1).

Tuy nhiên, mặc dù số lượng nghiên cứu về SRL ngày càng gia tăng, các nghiên cứu tổng quan hiện nay chủ yếu tập trung vào phân tích lý thuyết hoặc tổng hợp nội dung nghiên cứu (Gambo & Shakir, 2021, tr.1; Luo & Zhou, 2024, tr.3005; Panadero, 2017, tr.1), trong khi các nghiên cứu trắc lượng thư mục về SRL trong bối cảnh giáo dục đại học vẫn còn tương đối hạn chế. Một số nghiên cứu trắc lượng gần đây đã xem xét xu hướng nghiên cứu SRL trong giáo dục nói chung nhưng chưa phân tích chuyên sâu đối với đối tượng sinh viên bậc đại học và chưa cập nhật các xu hướng nghiên cứu mới trong giai đoạn gần đây như học tập trực tuyến, phân tích học tập và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ SRL (Xue và cộng sự, 2025, tr. 420; Zhong, 2025, tr.1). Bên cạnh đó, vẫn thiếu các nghiên cứu cung cấp cái nhìn hệ thống về sự phát triển của lĩnh vực SRL thông qua phân tích các mạng lưới hợp tác học thuật, các quốc gia đóng góp chính, cũng như các chủ đề nghiên cứu nổi bật theo thời gian. Xuất phát từ khoảng trống đó, nghiên cứu này nhằm mục tiêu phân tích trắc lượng thư mục các công trình nghiên cứu về năng lực tự điều chỉnh của sinh viên bậc đại học được lập chỉ mục trong cơ sở dữ liệu Scopus trong giai đoạn 2006 - 2026. Để đạt được mục tiêu này, nghiên cứu áp dụng phương pháp trắc lượng thư mục kết hợp với phân tích đồng xuất hiện từ khóa bằng phần mềm VOSviewer. Dữ liệu được thu thập từ Scopus (một trong những cơ sở dữ liệu học thuật đa ngành lớn nhất hiện nay) thông qua quy trình tìm kiếm và sàng lọc có hệ thống (Schotten và cộng sự, 2017, tr.32). Cụ thể, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau:

1. Xu hướng công bố các nghiên cứu về SRL trong giáo dục đại học đã phát triển như thế nào trong giai đoạn 2006–2026?
2. Những quốc gia, tổ chức và tác giả nào đóng góp nhiều nhất cho lĩnh vực nghiên cứu này

trong giai đoạn 2006–2026?

3. Những chủ đề nghiên cứu và xu hướng phát triển mới của lĩnh vực SRL trong giáo dục đại học là gì?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Quy trình thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng cơ sở dữ liệu Scopus (Elsevier) làm nguồn dữ liệu chính vì hai lý do. Thứ nhất, Scopus là một trong những cơ sở dữ liệu được công nhận rộng rãi nhất cho phân tích trắc lượng (Schotten và cộng sự, 2017, tr.32), với phạm vi bao phủ rộng hơn Web of Science trong lĩnh vực khoa học xã hội và giáo dục (Mongeon & Paul-Hus, 2016, tr. 213). Thứ hai, Scopus cung cấp dữ liệu trích dẫn, từ khóa tác giả và từ khóa chỉ mục được chuẩn hóa, phù hợp với yêu cầu phân tích đồng xuất hiện từ khóa bằng VOSviewer (van Eck & Waltman, 2010, tr.524). Khoảng thời gian 2006–2026 được chọn vì năm 2006 đánh dấu bước chuyển của nghiên cứu SRL từ nền tảng lý thuyết sang tiếp cận thực nghiệm trong bối cảnh giáo dục đại học, gắn với sự phát triển của học tập trực tuyến và công nghệ giáo dục (Schunk & Greene, 2018; Zimmerman, 2015, tr. 543-545). Việc kéo dài đến năm 2026 nhằm bao quát các xu hướng nghiên cứu mới nhất, bao gồm giai đoạn hậu COVID-19 và sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục.

Dữ liệu thư mục được thu thập từ cơ sở dữ liệu Scopus (<http://www.scopus.com>) với tùy chọn tìm kiếm nâng cao. Để xác định được các tài liệu cho đánh giá, quy trình được thực hiện theo các bước sau:

- *Bước 1: Thu thập dữ liệu:*

Cụ thể, xác định các từ khóa tìm kiếm chính và các biến thể liên quan tới năng lực tự điều chỉnh và kết hợp với từ khóa về đối tượng sinh viên bậc đại học. Các từ khóa này được tìm kiếm ở phần tiêu đề, tóm tắt và từ khóa. Thực hiện chuỗi truy vấn dữ liệu trên Scopus được giới hạn trong giai đoạn 2006 – 2026 và lựa chọn bài báo xuất bản trên tạp chí khoa học được viết bằng tiếng Anh như sau: *TITLE-ABS-KEY ("self-regulated learning" OR "self regulated learning" OR "self-regulation learning" OR "self regulation learning" OR "self-regulated learner*" OR "self-regulation skill*") AND TITLE-ABS-KEY ("university student*" OR "college student*" OR "higher education student*" OR undergraduate* OR postgraduate*) AND PUBYEAR > 2005 AND PUBYEAR < 2027 AND (LIMIT-TO (SRCTYPE,"j")) AND (LIMIT-TO (LANGUAGE,"English"))*

Kết quả truy xuất được 1695 tài liệu. Dữ liệu được truy xuất vào ngày 01 tháng 03 năm 2026 và xuất dưới định dạng CSV từ giao diện Scopus để đảm bảo tính tái lập của quy trình. Các trường dữ liệu được ghi lại gồm: tác giả, mã định danh tác giả (Author ID), tiêu đề bài báo, năm xuất bản, tên tạp chí, cơ quan công tác, từ khóa tác giả (Author Keywords), từ khóa chỉ mục (Index Keywords), tóm tắt, số lần trích dẫn và mã số nhận dạng bài báo (EID).

- *Bước 2: Lọc dữ liệu:* Trong bước này, chúng tôi loại bỏ các dữ liệu trùng lặp, các tài liệu thiếu thông tin (từ khóa, tóm tắt) và các tài liệu không liên quan đến đề tài và đối tượng là sinh viên đại học. Sau bước này, có tất cả 1.030 tài liệu bị loại, còn lại 665 bài được đưa vào phân tích.

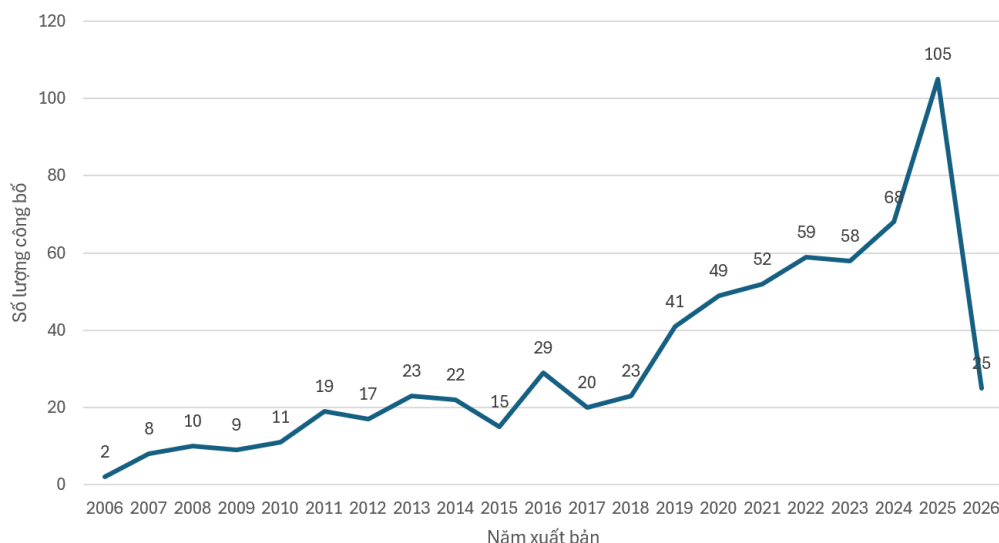
2.2. Phân tích dữ liệu

Với tổng số 665 tài liệu thu thập được (số liệu thu thập ngày 01/03/2026), chúng tôi tiến hành phân tích và trực quan hóa dữ liệu bằng phần mềm VOSviewer. Phần mềm này được sử dụng để phân tích xu hướng công bố theo năm, phân bố địa lý, và đặc biệt là phân tích đồng xuất hiện từ khóa (keyword co-occurrence) nhằm xác định các cụm chủ đề và xu hướng nghiên cứu nổi bật trong lĩnh vực SRL tại bậc đại học.

3. Kết quả phân tích

3.1. Xu hướng công bố theo năm xuất bản

Hình 1 cho thấy xu hướng tăng trưởng của các bài báo tạp chí về SRL ở bậc đại học trên thế giới từ năm 2006 đến năm 2026. Sự phát triển của các công trình khoa học về SRL ở bậc đại học có thể chia thành bốn giai đoạn với các mức độ quan tâm khác nhau. Giai đoạn 1 (từ 2006 - 2010) là thời kỳ khởi đầu với số lượng công bố còn hạn chế, dao động từ 8 đến 11 bài mỗi năm, cho thấy chủ đề SRL ở bậc đại học mới bắt đầu được quan tâm. Giai đoạn 2 (từ 2011 – 2018) ghi nhận sự gia tăng nhưng chưa ổn định, số bài công bố dao động từ 15 đến 29 bài, phản ánh sự mở rộng dần các nghiên cứu liên quan đến SRL ở bậc đại học. Giai đoạn 3 (từ 2019 - 2024) cho thấy số lượng công bố tăng nhanh và tương đối ổn định, từ 41 lên 68 bài mỗi năm, điều này phản ánh lĩnh vực này ngày càng thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trên thế giới. Giai đoạn 4 (từ năm 2025) ghi nhận số lượng công bố lên tới 105 bài và dự đoán sẽ tăng trong năm 2026. Đầu năm 2026 tạm thời ghi nhận 25 bài do dữ liệu mới được thu thập đến thời điểm tháng 03 năm 2026, do đó con số này chưa phản ánh đầy đủ tổng số công bố của cả năm 2026.



Hình 1. Sự phát triển thường niên của các công trình nghiên cứu về SRL ở bậc đại học trên thế giới từ năm 2006 – 2026

Dữ liệu cũng cho thấy một số quốc gia có số lượng công trình nghiên cứu về SRL ở bậc đại học nhiều nhất gồm: Hoa Kỳ (120 công trình), Trung Quốc (69 công trình), Đức (32 công trình), Đài Loan (29 công trình), Hàn Quốc (25 công trình). Có thể thấy Hoa Kỳ là quốc gia có số lượng nghiên cứu vượt trội, chiếm khoảng 20,7% tổng số công trình trong bộ dữ liệu, cho thấy vai trò trung tâm của quốc gia này trong nghiên cứu về SRL ở giáo dục đại học. Bên cạnh đó, các quốc gia châu Á như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Hong Kong cũng đóng góp số lượng nghiên cứu đáng kể, phản ánh sự gia tăng mạnh mẽ của các nghiên cứu liên quan đến học tập tự điều chỉnh trong bối cảnh phát triển giáo dục đại học và chuyển đổi số tại khu vực này. Tổng thể, kết quả thống kê cho thấy nghiên cứu về SRL ở bậc đại học có sự phân bố rộng trên nhiều quốc gia, tuy nhiên vẫn tập trung chủ yếu ở các quốc gia có hệ thống giáo dục đại học phát triển và năng lực nghiên cứu mạnh.

3.2. Các công trình nổi bật nhất

Những nghiên cứu trong Bảng 1 mặc dù được công bố trong nhiều giai đoạn khác nhau nhưng đến nay vẫn tiếp tục được cộng đồng học thuật trích dẫn, cho thấy tầm ảnh hưởng lâu dài của các công trình này trong lĩnh vực nghiên cứu về SRL ở bậc đại học. Theo dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Scopus, nghiên cứu của Bidjerano và Dai (2007) với tiêu đề “*The relationship between the big-five model of personality and self-regulated learning strategies*” đã đạt 294 lượt trích dẫn, phản ánh vai trò nền tảng của hướng nghiên cứu về mối quan hệ giữa đặc điểm cá nhân và chiến

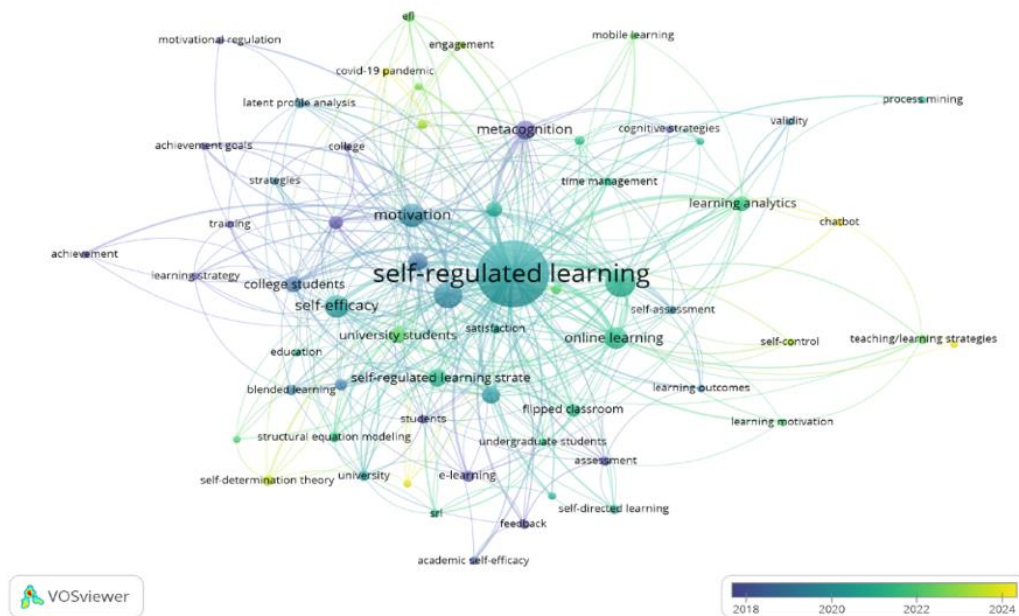
lược học tập tự điều chỉnh. Trong khi đó, hai công trình có số lượt trích dẫn cao nhất là nghiên cứu của Kuo và cộng sự (2014) với 743 lượt trích dẫn và Mega và cộng sự (2014) với 735 lượt trích dẫn, tập trung phân tích vai trò của tương tác học tập, động lực, cảm xúc và SRL đối với kết quả học tập của sinh viên. Ngoài ra, các nghiên cứu của You (2016) và Teng & Zhang (2016) với số lượt trích dẫn lần lượt là 330 và 273 đã mở rộng hướng nghiên cứu thông qua việc khai thác dữ liệu từ hệ thống quản lý học tập (LMS) và phát triển các mô hình đo lường chiến lược học tập tự điều chỉnh. Bên cạnh đó, các công trình của Artino & Jones (2012), Artino & Stephens (2009) tiếp tục được trích dẫn nhiều trong các nghiên cứu về động lực học tập, cảm xúc học tập và SRL trong môi trường học trực tuyến. Đáng chú ý, nghiên cứu gần đây của Wei (2023) về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy ngôn ngữ đã nhanh chóng đạt 323 lượt trích dẫn, cho thấy xu hướng mở rộng của nghiên cứu SRL trong bối cảnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học.

Bảng 1. Danh sách các công trình nghiên cứu về SRL ở bậc đại học theo cơ sở dữ liệu Scopus giai đoạn 2006-2026 có số lượt trích dẫn nhiều nhất

STT	Tác giả	Tiêu đề	Cơ quan	Quốc gia	Tổng lượt trích dẫn	Năm
1	Kuo, Yu-Chun	Interaction, Internet self-efficacy, and self-regulated learning as predictors of student satisfaction in online education courses	Jackson State University	Hoa Kỳ	743	2014
2	Mega, Carolina	What makes a good student? How emotions, self-regulated learning, and motivation contribute to academic Achievement	University of Padua	Ý	735	2014
3	You, Ji Won	Identifying significant indicators using LMS data to predict course achievement in online learning	Gachon University	Hàn Quốc	330	2016
4	Wei, Ling	Artificial intelligence in language instruction: impact on English learning achievement, L2 motivation, and self-regulated learning	Chongqing College of Mobile Communication	Trung Quốc	323	2023
5	Bidjerano, Temi	The relationship between the big-five model of personality and self-regulated learning strategies	University at Albany, State University of New York	Hoa Kỳ	294	2007
6	Howell, A. J., & Watson, D. C.	Procrastination: Associations with achievement goal orientation and learning strategies	Grant MacEwan University	Canada	289	2007
7	Lai, C., & Gu, M.	Self-regulated out-of-class language learning with technology	The University of Hong Kong	Trung Quốc (Hong Kong)	277	2011
8	Teng, Lin Sophie	A Questionnaire-Based Validation of Multidimensional	The University of Auckland	New Zealand	273	2016

		Models of Self-Regulated Learning Strategies				
9	Artino, A. R., & Stephens, J. M.	Academic motivation and self-regulation: A comparative analysis of undergraduate and graduate students learning online	Uniformed Services University of the Health Sciences	Hoa Kỳ	262	2009
10	Artino, A. R., & Jones, K. D.	Exploring the complex relations between achievement emotions and self-regulated learning behaviors in online learning	Uniformed Services University of the Health Sciences	Hoa Kỳ	252	2012

3.3. Các chủ đề có tính xu hướng trong nghiên cứu về học tập tự điều chỉnh bậc đại học



Hình 2. Bản đồ phân bố theo thời gian của các từ khóa, sử dụng phương pháp phân tích đồng xuất hiện, trong giai đoạn phát triển từ năm 2018 – 2024

Hình 2 thể hiện bản đồ phân bố theo thời gian của các từ khóa trong nghiên cứu về SRL ở bậc đại học giai đoạn 2018 – 2024. Quan sát bản đồ cho thấy từ khóa “self-regulated learning” nằm ở vị trí trung tâm với kích thước lớn và liên kết với nhiều từ khóa khác như *motivation*, *self-efficacy*, *online learning*, *metacognition* và *academic performance*, cho thấy đây là chủ đề cốt lõi và được nghiên cứu rộng rãi trong lĩnh vực này. Các từ khóa có màu xanh tím (xuất hiện sớm hơn trong giai đoạn 2018–2019) chủ yếu liên quan đến nền tảng lý thuyết của SRL như *achievement goals*, *motivational regulation*, *learning strategies*, *procrastination* và *academic self-efficacy*, phản ánh giai đoạn đầu tập trung vào các yếu tố tâm lý giáo dục và chiến lược học tập của sinh viên. Từ khoảng 2020–2022, các từ khóa chuyển dần sang màu xanh lá, cho thấy sự mở rộng của nghiên cứu sang bối cảnh học tập trực tuyến và ứng dụng công nghệ, với các chủ đề nổi bật như *online learning*, *e-learning*, *learning analytics*, *flipped classroom*, *time management* và *engagement*. Sự xuất hiện của từ khóa *covid-19 pandemic* cho thấy ảnh hưởng của đại dịch đối với việc thúc đẩy nghiên cứu về học tập trực tuyến và SRL của sinh viên trong môi trường số.

Đáng chú ý, các từ khóa có màu vàng (xuất hiện gần đây, khoảng 2023–2024) như chatbot, teaching/learning strategies, process mining cho thấy xu hướng nghiên cứu mới liên quan đến ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu học tập trong việc hỗ trợ và nâng cao SRL của người học. Bên cạnh đó, các chủ đề như *mobile learning*, *learning analytics* và *self-assessment* cũng ngày càng được quan tâm, phản ánh sự chuyển dịch của nghiên cứu từ các khía cạnh lý thuyết sang ứng dụng công nghệ và cá nhân hóa quá trình học tập trong giáo dục đại học.

Nhìn chung, bản đồ từ khóa cho thấy xu hướng nghiên cứu về học tập tự điều chỉnh đã phát triển từ các nền tảng lý thuyết về động lực và chiến lược học tập, sang nghiên cứu trong môi trường học tập trực tuyến, và gần đây là tích hợp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu học tập nhằm nâng cao hiệu quả học tập và khả năng tự điều chỉnh của sinh viên.

4. Thảo luận

Kết quả phân tích trắc lượng cho thấy các nghiên cứu về năng lực tự điều chỉnh của sinh viên đại học đã phát triển mạnh mẽ trong hai thập niên gần đây. Xu hướng gia tăng rõ rệt các công bố từ năm 2019 trở lại đây phản ánh sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong cộng đồng học thuật đối với vai trò của SRL trong giáo dục đại học. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu tổng quan trước đây khi cho rằng SRL ngày càng trở thành một trong những chủ đề trung tâm của tâm lý học giáo dục và nghiên cứu học tập trong bối cảnh giáo dục hiện đại (Nguyễn Bích Diệu, 2025, tr. 34; Panadero, 2017, tr. 1; Sulistiawati và cộng sự, 2023, tr. 178). Sự gia tăng này có thể được lý giải bởi sự chuyển đổi mạnh mẽ của giáo dục đại học sang các mô hình học tập linh hoạt, nơi người học cần phát triển năng lực tự quản lý quá trình học tập của mình.

Phân tích phân bố địa lý của các công trình cho thấy nghiên cứu về SRL vẫn tập trung chủ yếu tại các quốc gia có hệ thống giáo dục đại học và năng lực nghiên cứu phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ và một số quốc gia châu Âu. Hoa Kỳ chiếm hơn 20% tổng số công bố trong bộ dữ liệu, cho thấy vai trò trung tâm của quốc gia này trong việc định hình các hướng nghiên cứu về SRL. Điều này phù hợp với thực tế rằng nhiều khung lý thuyết nền tảng về SRL được phát triển bởi các học giả tại Hoa Kỳ như Zimmerman hay Pintrich (Pintrich, 1995, tr. 5; Zimmerman, 2000, tr. 14 - 16). Bên cạnh đó, sự gia tăng đáng kể của các công trình từ Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc cho thấy sự mở rộng của nghiên cứu SRL sang khu vực châu Á trong bối cảnh các quốc gia này đang đẩy mạnh cải cách giáo dục đại học và chuyển đổi số trong giáo dục.

Kết quả phân tích các công trình có số lượt trích dẫn cao nhất cho thấy các nghiên cứu có ảnh hưởng lớn thường tập trung vào mối quan hệ giữa SRL với các yếu tố tâm lý học tập như động lực, cảm xúc, tự hiệu quả và kết quả học tập của sinh viên. Các nghiên cứu của Kuo và cộng sự (2014, tr. 35) và Mega và cộng sự (2014) nhấn mạnh vai trò của tương tác học tập, cảm xúc học tập và động lực trong việc thúc đẩy SRL và cải thiện kết quả học tập của sinh viên. Những phát hiện này phù hợp với quan điểm của Richardson và cộng sự (2012, tr. 374), khi cho rằng các yếu tố tâm lý và hành vi học tập có ảnh hưởng đáng kể đến thành tích học tập ở bậc đại học. Đồng thời, các nghiên cứu gần đây cũng bắt đầu khai thác dữ liệu học tập số từ hệ thống quản lý học tập (LMS) để phân tích hành vi tự điều chỉnh của sinh viên, cho thấy sự kết hợp ngày càng chặt chẽ giữa nghiên cứu SRL và các phương pháp phân tích dữ liệu giáo dục.

Phân tích mạng lưới từ khóa đồng xuất hiện cho thấy cấu trúc tri thức của lĩnh vực SRL được hình thành quanh các khái niệm cốt lõi như siêu nhận thức (metacognition), động lực học tập (motivation), tự hiệu quả (self-efficacy) và chiến lược học tập (learning strategies). Đây là những thành tố quan trọng trong các mô hình lý thuyết về SRL, trong đó người học được xem là tác nhân chủ động trong việc lập kế hoạch, giám sát và điều chỉnh quá trình học tập của mình (Winne & Hadwin, 1998, tr.278; Zimmerman, 2000, tr. 14-16). Tuy nhiên, kết quả bản đồ từ khóa theo thời gian cũng cho thấy sự chuyển dịch đáng kể của các hướng nghiên cứu trong những năm gần đây. Cụ thể, từ sau năm 2020, các chủ đề liên quan đến học tập trực tuyến (online learning), học tập điện tử (e-learning) và phân tích học tập (learning analytics) xuất hiện ngày càng nhiều trong các

nghiên cứu về SRL. Xu hướng này phần nào phản ánh tác động của đại dịch COVID-19, khi các cơ sở giáo dục đại học trên toàn thế giới phải chuyển sang hình thức học tập trực tuyến, từ đó làm nổi bật vai trò của SRL trong việc duy trì động lực và hiệu quả học tập của sinh viên trong môi trường số (Anthonysamy và cộng sự, 2020). Môi trường học tập trực tuyến đòi hỏi sinh viên phải có khả năng tự quản lí thời gian, kiểm soát sự xao nhãng và duy trì sự tham gia học tập, do đó càng làm tăng tầm quan trọng của năng lực tự điều chỉnh. Đáng chú ý, các từ khóa xuất hiện gần đây như chatbot, process mining và artificial intelligence cho thấy xu hướng tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu và hỗ trợ SRL. Các công nghệ này cho phép thu thập và phân tích dữ liệu học tập theo thời gian thực, từ đó hỗ trợ người học nhận được phản hồi cá nhân hóa và cải thiện chiến lược học tập của mình. Xu hướng này phù hợp với nhận định của Kong và Lin (2023, tr. 1) khi cho rằng SRL cần được phát triển không chỉ ở cấp độ cá nhân người học mà còn ở cấp độ hệ thống giáo dục thông qua các công nghệ hỗ trợ học tập thông minh. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu về SRL trong môi trường học tập tích hợp trí tuệ nhân tạo vẫn còn hạn chế, cho thấy đây là một hướng nghiên cứu tiềm năng trong tương lai.

5. Kết luận

Nghiên cứu này phân tích trích lược thư mục 665 bài báo về học tập tự điều chỉnh (SRL) ở bậc đại học được lập chỉ mục trong cơ sở dữ liệu Scopus giai đoạn 2006 – 2026. Kết quả cho thấy lĩnh vực này phát triển qua bốn giai đoạn, với mức tăng trưởng đột biến từ năm 2019 và đạt đỉnh vào năm 2025 với 105 bài công bố. Hoa Kỳ dẫn đầu về sản lượng nghiên cứu, theo sau là Trung Quốc, Đức, Đài Loan và Hàn Quốc. Các cụm chủ đề cốt lõi tập trung vào siêu nhận thức, động lực, tự hiệu quả và chiến lược học tập; đồng thời xuất hiện xu hướng chuyển dịch rõ rệt sang học tập trực tuyến, phân tích học tập và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong những năm gần đây.

Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng sang phân tích nội dung chuyên sâu các công trình thuộc cụm chủ đề công nghệ, đặc biệt là vai trò của trí tuệ nhân tạo và phân tích học tập trong đo lường và hỗ trợ SRL theo thời gian thực. Đồng thời, cần có thêm các nghiên cứu so sánh xuyên văn hóa và tích hợp dữ liệu từ nhiều cơ sở dữ liệu học thuật để nâng cao tính toàn diện của các phân tích trong tương lai.

Ghi chú về tác giả: ThS. Nguyễn Thị Hồng là giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Toán học và Công nghệ thông tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anthonyamy, L., Koo, A.-C., & Hew, S. H. (2020). Self-regulated learning strategies and non-academic outcomes in higher education blended learning environments: A one decade review. *Education and Information Technologies*, 25, 3677–3704. <https://doi.org/10.1007/s10639-020-10134-2>
- Artino, A. R., & Jones, K. D. (2012). Exploring the complex relations between achievement emotions and self-regulated learning behaviors in online learning. *The Internet and Higher Education*, 15(3), 170–175. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2012.01.006>
- Artino, A. R., & Stephens, J. M. (2009). Academic motivation and self-regulation: A comparative analysis of undergraduate and graduate students learning online. *The Internet and Higher Education*, 12(3), 146–151. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2009.02.001>
- Bidjerano, T., & Dai, D. Y. (2007). The relationship between the big-five model of personality and self-regulated learning strategies. *Learning and Individual Differences*, 17(1), 69–81. <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2007.02.001>

- Cho, M. H., & Heron, M. L. (2015). Self-regulated learning: The role of motivation, emotion, and use of learning strategies in students' learning experiences in a self-paced online mathematics course. *Distance Education*, 36(1), 80–99. <https://doi.org/10.1080/01587919.2015.1019963>
- Gambo, Y., & Shakir, M. Z. (2021). Review on self-regulated learning in smart learning environment. In *Smart Learning Environments*, 8, 12. <https://doi.org/10.1186/s40561-021-00157-8>
- Howell, A. J., & Watson, D. C. (2007). Procrastination: Associations with achievement goal orientation and learning strategies. *Personality and Individual Differences*, 43(1), 167–178. <https://doi.org/10.1016/j.paid.2006.11.017>
- Kong, S. C., & Lin, T. J. (2023). Developing self-regulated learning as a pedagogy in higher education: An institutional survey and case study in Hong Kong. *Heliyon*, 9(11), e22115. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e22115>
- Kuo, Y. C., Walker, A. E., Schroder, K. E., & Belland, B. R. (2014). Interaction, Internet self-efficacy, and self-regulated learning as predictors of student satisfaction in online education courses. *Internet and Higher Education*, 20, 35–50. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2013.10.001>
- Lai, C., & Gu, M. (2011). Self-regulated out-of-class language learning with technology. *Computer Assisted Language Learning*, 24(4), 317–335. <https://doi.org/10.1080/09588221.2011.568417>
- Luo, R. Z., & Zhou, Y. L. (2024). The effectiveness of self-regulated learning strategies in higher education blended learning: A five years systematic review. *Journal of Computer Assisted Learning*, 40(6), 3005–3029. <https://doi.org/10.1111/jcal.13052>
- Mega, C., Ronconi, L., & De Beni, R. (2014). What makes a good student? How emotions, self-regulated learning, and motivation contribute to academic achievement. *Journal of Educational Psychology*, 106(1), 121–131. <https://doi.org/10.1037/a0033546>
- Mongeon, P., & Paul-Hus, A. (2016). The journal coverage of Web of Science and Scopus: a comparative analysis. *Scientometrics*, 106(1), 213–228. <https://doi.org/10.1007/s11192-015-1765-5>
- Nguyễn, B.D. (2025). Trí tuệ nhân tạo và học tập tự điều chỉnh: góc nhìn từ học viên cao học trong nghiên cứu học thuật. *HNUE JOURNAL OF SCIENCE, Educational Sciences*, 70(6), 34–43. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2025-0107>
- Panadero, E. (2017). A review of self-regulated learning: Six models and four directions for research. *Frontiers in Psychology*, 8, 422. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2017.00422>
- Pintrich, P. R. (1995). Understanding self-regulated learning. *New Directions for Teaching and Learning*, 63, 3–12. <https://doi.org/10.1002/tl.37219956304>
- Pintrich, P. R. (2000). Multiple Goals, Multiple Pathways: The Role of Goal Orientation in Learning and Achievement. *Journal of Educational Psychology*, 92(3), 544–555. <https://doi.org/10.1037/0022-0663.92.3.544>
- Richardson, M., Abraham, C., & Bond, R. (2012). Psychological correlates of university students' academic performance: A systematic review and meta-analysis. *Psychological Bulletin*, 138(2), 353–387. <https://doi.org/10.1037/a0026838>
- Sulistiawati, Kusumah, Y. S., Dahlan, J. A., Juandi, D., & Vos, H. (2023). A bibliometric analysis: Trend of studies in self-regulated learning over the past three decades. *Indonesian Journal on Learning and Advanced Education (IJOLAE)*, 5(2), 178–197. <https://doi.org/10.23917/ijolae.v5i2.21381>

- Schotten, M., Aisati, M., Meester, W. J. N., Steinginga, S., & Ross, C. A. (2017). *A Brief History of Scopus: The World's Largest Abstract and Citation Database of Scientific Literature*. <https://doi.org/10.1201/9781315155890-3>
- Schunk, D. H., & Greene, J. A. (2018). Historical, contemporary, and future perspectives on self-regulated learning and performance. In D. H. Schunk & J. A. Greene (Eds.), *Handbook of Self-Regulation of Learning and Performance* (2nd ed., pp. 1–15). Routledge
- Tekkol, I. A., & Demirel, M. (2018). An investigation of self-regulated learning skills of undergraduate students. *Frontiers in Psychology*, 9, 2324. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2018.02324>
- Teng, L. S., & Zhang, L. J. (2016). A questionnaire-based validation of multidimensional models of self-regulated learning strategies. *Modern Language Journal*, 100(3), 674–701. <https://doi.org/10.1111/modl.12339>
- van Eck, N. J., & Waltman, L. (2010). Software survey: VOSviewer, a computer program for bibliometric mapping. *Scientometrics*, 84(2), 523–538. <https://doi.org/10.1007/s11192-009-0146-3>
- Wei, L. (2023). Artificial intelligence in language instruction: impact on English learning achievement, L2 motivation, and self-regulated learning. *Frontiers in Psychology*, 14. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2023.1261955>
- Winne, P. H., & Hadwin, A. F. (1998). Studying as self-regulated learning. In D. J. Hacker, J. Dunlosky, & A. C. Graesser (Eds.), *Metacognition in Educational Theory and Practice* (pp. 277–304). Lawrence Erlbaum Associates.
- Xue, Y., Khalid, F. B., & Karim, A. B. A. (2025). Emerging Trends in Self-Regulated Learning: A Bibliometric Analysis of MOOCs and AI-Enhanced Online Learning (2014–2024). In *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, 24 (1), 420–442. Society for Research and Knowledge Management. <https://doi.org/10.26803/ijlter.24.1.21>
- You, J. W. (2016). Identifying significant indicators using LMS data to predict course achievement in online learning. *The Internet and Higher Education*, 29, 23–30. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2015.11.003>
- Zhong, L. (2025). An examination of the literature on self-regulated learning in EFL education: a bibliometric analysis. *Cogent Education*, 12 (1), 2464363. <https://doi.org/10.1080/2331186X.2025.2464363>
- Zimmerman, B. J. (1990). Self-Regulated Learning and Academic Achievement: An Overview. *Educational Psychologist*, 25(1), 3–17. https://doi.org/10.1207/s15326985ep2501_2
- Zimmerman, B. J. (2000). Attaining self-regulation: A social cognitive perspective. In M. Boekaerts, P. R. Pintrich, & M. Zeidner (Eds.), *Handbook of Self-Regulation* (pp. 13–39). Academic Press. <https://doi.org/10.1016/B978-012109890-2/50031-7>
- Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. In *Theory into Practice*, 41 (2), 64–70. https://doi.org/10.1207/s15430421tip4102_2
- Zimmerman, B. J. (2015). Self-Regulated Learning: Theories, Measures, and Outcomes. *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences: Second Edition*, 541–546. <https://doi.org/10.1016/B978-0-08-097086-8.26060-1>